

KHẮC IN MỘC BẢN TẠI HÀ NỘI VỚI PHONG TRÀO “KHAI DÂN TRÍ” CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

VƯƠNG THỊ HƯỜNG*

Tóm tắt: Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi. Thăng Long - Hà Nội không còn là kinh đô - trung tâm chính trị của cả nước từ sau khi vua Gia Long chuyển kinh đô vào Huế năm 1802. Tuy nhiên, giới trí thức Thăng Long - Bắc Hà về cơ bản vẫn là những người có uy tín với nền học thuật nước nhà. Đứng trước nguy cơ bị đồng hóa văn hóa của thực dân Pháp, trí thức Thăng Long đã có nhiều hoạt động để chấn hưng văn hóa dân tộc như: xây dựng các trường học tư thực, sáng tác thơ văn yêu nước, khắc in mộc bản phổ biến kiến thức, ... Bài viết giới thiệu phong trào khắc in mộc bản tại Thăng Long - Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX của giới trí thức Thăng Long nhằm thúc đẩy tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc.

Từ khóa: Mộc bản, khai dân trí, Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Abstract: At the end of the 19th century and the beginning of the 20th century, there were major changes in Vietnamese society. Thang Long - Hanoi had no longer been the country's capital, since the Emperor Gia Long moved the political center to Hue in 1802. However, the intellectuals of Thang Long - Bac Ha regions were still basically those who were respected and had influence over country's academia. Facing the risk of cultural assimilation by the obscurantism policy of the French colonialists, the intellectuals from the old Thang Long had raised several movements and activities to enlighten people's knowledge and revive national culture such as establishing private schools, writing patriotic poetry, engraving woodblocks to serve printing popularizing knowledge, etc. The article introduces the engraving woodblocks movement in Thang Long - Hanoi at the end of the 19th century and the beginning of the 20th century by the local intellectuals. This movement aimed to "civilize the people's knowledge", from which promoting patriotism and national self-reliance.

Keywords: Woodblocks, civilize the people's knowledge, Hanoi in the late 19th century and early 20th century

1. Phong trào chấn hưng văn hóa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Thăng Long - Hà Nội

Sau khi lên ngôi vào năm 1802, vua Gia Long đã chọn Phú Xuân - Huế làm kinh đô. Khi vua Gia Long cho xây dựng trường học mang tính quốc gia ở Huế gọi là Đốc Học đường (cũng gọi là Quốc Học đường) vào năm 1803 thì Thăng Long chính thức trở thành cố đô, mất dần địa vị trung tâm chính trị. Tháng 3 năm 1820, vua Minh Mệnh đổi tên trường thành Quốc Tử Giám thì Quốc Tử Giám - Thăng

Long lại bị giáng xuống thành trường học cấp phủ (phủ Hoài Đức). Vị thế của Thăng Long càng không còn là trung tâm chính trị, văn hóa giáo dục cao cấp của đất nước nữa.

Năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Việt Nam. Chính quyền nhà Nguyễn vốn đã bộc lộ một số bất cập trong phương thức quản lý xã hội, nay lại thêm giặc ngoại xâm càng làm cho tình hình chính trị thêm rối ren. Hai phe chủ

* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

chiến và chủ hòa trong nội bộ chính quyền nhà Nguyễn ngày càng nảy sinh mâu thuẫn gay gắt. Với những mâu thuẫn cơ bản như vậy cộng thêm lực lượng nhân sự yếu kém, kỹ thuật quân sự lạc hậu, đất nước ta dần rơi vào tay thực dân Pháp. Sau Hiệp ước Patonốt mà triều đình nhà Nguyễn ký với Pháp vào tháng 6/1884, Pháp đã từng bước thiết lập sự thống trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Sau khi giành được quyền thống trị, thực dân Pháp thực hiện ngay một số chính sách quan trọng như: “Về kinh tế, thực dân Pháp thực hiện chính sách bóc lột, cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; đầu tư khai thác tài nguyên; xây dựng một số cơ sở công nghiệp, hệ thống đường giao thông, bến cảng phục vụ chính sách khai thác thuộc địa. Về văn hóa, thực dân Pháp thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan. Mọi hoạt động yêu nước của nhân dân ta đều bị cấm đoán. Chúng tìm mọi cách bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiên bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề cai trị. Dưới tác động của chính sách cai trị và chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục thực dân, xã hội Việt Nam đã diễn ra quá trình phân hóa sâu sắc. Giai cấp địa chủ câu kết với thực dân Pháp tăng cường bóc lột, áp bức nông dân. Tuy nhiên, trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hóa. Một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước, căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức và mức độ khác nhau”¹.

Trước tình hình đất nước nói chung và Thăng Long nói riêng như vậy, trí thức Thăng Long đã có những động thái quyết liệt để bảo vệ đất nước và vị thế của đất

nước ngàn năm văn hiến. Họ tập hợp nhau lại, tổ chức sinh hoạt trong các hội nhóm nhằm tìm cách chống lại chính sách của thực dân Pháp và khắc phục sự yếu kém, thiếu hiểu biết do dân trí thấp. Lấy khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm làm trung tâm, trí thức Thăng Long đã tổ chức nhiều hoạt động để chấn hưng văn hóa, phổ biến kiến thức bình dân (như các bài thuốc chữa bệnh, khuyến khích trẻ em đi học, ăn ở hợp vệ sinh,...), thức tỉnh lòng yêu nước thương nòi của nhân dân, kêu gọi trách nhiệm của kẻ sĩ trước thời cuộc... Văn bia *Ngọc Sơn đế quân từ ký* 玉山帝君祠記, dựng sau khi khánh thành việc xây dựng cải tạo đền Ngọc Sơn năm 1842 do Tiến sĩ Vũ Tông Phan soạn, cho biết “Bọn sĩ phu kết bạn với nhau, yêu cảnh này vì mến danh này mà người trong Hội tàng khí, tu thân, du ngoạn, nghỉ ngơi” và “làm những việc có ích cho mọi người qua đó mà giáo hoá họ”². Các danh sĩ nổi tiếng khi đó như Vũ Tông Phan, Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Văn Siêu, Trần Văn Vi, Lê Duy Trung, Cao Bá Quát,... đã nối tiếp chí hướng của các bậc tiền bối như Lê Quý Đôn, Bùi Huy Bích, Phạm Quý Thích,... mở các trường học, chủ trương nâng cao dân trí, gìn giữ văn hóa dân tộc, khai sáng trí tuệ. Các trường học của Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, Phạm Hội, Vũ Tông Phan, Vũ Thạch Nguyễn Huy Đức,... xây dựng xung quanh Hồ Gươm đã thu hút nhiều thanh niên ưu tú đến tu dưỡng, học tập. Nội dung học tập là đề cao lý tưởng, trách nhiệm của bậc quân tử trong thời loạn cũng như các giá trị đạo đức xã hội. Ngoài các trường học do các Nho sĩ thành lập, trí thức Phật giáo và Đạo giáo cũng tổ chức giảng dạy cho các môn đồ tại các cơ sở thờ tự như đền miếu, chùa chiền. Việc phổ biến kiến thức, nhân bản

rộng tài liệu học tập, tuyên truyền, các cơ sở khắc in mộc bản vốn đã có từ trước không ngừng được mở rộng cả quy mô lẫn đầu tư chiều sâu.

Đầu thế kỷ XX, phong trào “khai dân trí” ở Hà Nội diễn ra rất sôi nổi. Các buổi diễn thuyết, vận động ủng hộ giữ gìn văn hóa dân tộc, kêu gọi lòng yêu nước được tổ chức thành phong trào. Nhân sĩ trí thức trong nước đều có mối liên hệ nhất định với trí thức Thăng Long. Những nhà Nho yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã đẩy lên phong trào Đông Du và Duy Tân ở miền Trung. Phong trào lan rộng ra Hà Nội và nhanh chóng được trí thức Thăng Long hưởng ứng và làm cho phát triển ở nhiều nơi. Tiêu biểu là phong trào Duy Tân do Phan Chu Trinh khởi xướng với khẩu hiệu: Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh và coi đây là nhiệm vụ cấp bách của nhân dân Việt Nam những năm 1906 - 1908. Ông đã cùng với thân hữu của mình vận động sáng lập ra trường học ở nhiều nơi trong đó có Hà Nội, với mục tiêu rất cụ thể, phù hợp với các trí thức Thăng Long lúc bấy giờ. Năm 1906, Phan Chu Trinh gặp gỡ với chí sĩ Lương Văn Can tại Hà Nội để lập cơ sở Duy Tân ở phía Bắc. Một năm sau, Trường Đông Kinh Nghĩa Thục được thành lập tại Hà Nội đứng đầu là chí sĩ Lương Văn Can. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục khi đó đã thu hút được nhiều nhân sĩ nổi tiếng đương thời. Chí sĩ cả nước và đặc biệt là chí sĩ Thăng Long thời gian này nhận ra chính cái nghèo và cái dốt đã kéo lùi xã hội, làm cho Việt Nam ngày càng lệ thuộc vào yếu tố bên ngoài. Muốn thay xã hội cần có nhận thức đúng đắn, xây dựng một mô hình đổi mới cụ thể, phù hợp với mặt bằng dân trí lúc đó. Trí thức Thăng Long thấy rằng cần phải

thay đổi về mặt tư duy và phương pháp truyền thụ kiến thức, làm cho nó cấp tiến hơn, hiệu quả hơn để có thể đáp ứng được đòi hỏi của xã hội đương thời. Đáng chú ý là các hình thức tiết nghĩa kinh điển Nho gia, xiển dương lời tiên thánh tiên Nho trong các hoạt động “giáng bút” và tổ chức khắc in mộc bản để phổ biến cho quần chúng nhân dân. Tại các cơ sở tín ngưỡng, sinh hoạt tín ngưỡng có nhiều hình thức mới mẻ. Phong trào diễn Nôm, nhất là diễn Nôm kinh Phật khá phổ biến. Từ các sách kinh điển của Nho giáo, Phật giáo Đạo giáo viết bằng chữ Hán, trí thức Nho, Phật, Đạo đã diễn dịch ra chữ Nôm. Các đền, phủ Đạo giáo hoặc có nơi vừa là di tích Nho giáo vừa là Đạo giáo như đền Ngọc Sơn có các hình thức diễn Nôm thiện kinh, kinh “giáng bút” của chư vị thần thánh dân tộc như Trần Hưng Đạo, Chu Văn An, Phùng Khắc Khoan, Liễu Hạnh,... Một số đền, đàn nổi tiếng về giáng bút cầu tiên như đền Bích Câu, Vi Thiện đàn (Hà Nội), Văn Hiến đường, xã Hạ Mỗ (huyện Đan Phượng, Hà Tây). Ví dụ như Văn Hiến đường ở làng Hạ Mỗ, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng (Hà Nội) vốn là nơi thờ Thái úy Tô Hiến Thành và các vị tiên hiền của làng nhưng di tích này dần được thay đổi “công năng sử dụng” và biến nó thành Thiện đàn. Vào năm 1907, Thiện đàn ở đây đã cho khắc in bộ sách *Cổ kim truyền lục* 古今傳錄 để tuyên truyền vận động yêu nước. Bộ sách có gần 400 bài thơ văn, bao gồm nhiều thể loại, viết bằng chữ Hán, đều là người địa phương viết kêu gọi tình yêu nước thương nòi. Chính vì bộ sách này mà Thiện đàn đã bị thực dân Pháp đàn áp. Tuy nhiên, sự đàn áp ấy càng làm cho quyết tâm xây dựng nơi đây trở thành một thiện đàn vào mùa xuân năm Kỷ Dậu (1909). Phong

trào giảng bút, in ấn và sáng tác thơ văn yêu nước nở rộ trong thời kỳ này. “Về các tác phẩm thơ văn giảng bút, chỉ tính riêng ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN) đã có 165 tên sách và nếu tính theo đơn vị ký hiệu (mỗi ký hiệu là một bản) thì có 254 đơn vị. Trong số 254 bản sách, chỉ có 28 bản là sách viết tay, số còn lại, gồm 226 đơn vị là bản in. Thống kê theo niên đại cho biết kinh giảng bút được in nhiều vào các khoảng thời gian từ 1870-1898 và 1906-1911”³.

Các trí thức Phật giáo tại Thăng Long thời gian này cũng có các hoạt động tương tự. Các chùa như Liên Phái, Liên Trì Hải Hội, Xiển Pháp,... đều có những hoạt động khai mở dân trí, trước tiên là cho tầng lớp Phật tử. Trích yếu điển nghĩa kinh Phật là một trong các hoạt động nổi bật ở thời gian này. Tiếp đó là các hoạt động chấn chỉnh tu tập cho tăng ni, diễn âm kinh Phật, kêu gọi chân tu, sống thiện, xây dựng xã hội tốt đẹp, xa rời cái ác... được hầu hết các chùa áp dụng. Bên bờ Hoàn Kiếm chùa Liên Trì Hải Hội được Tổng đốc Ninh - Thái là Nguyễn Đăng Giai cho hưng công xây dựng vào đầu niên hiệu Thiệu Trị (1847), Hòa thượng Phúc Điền trụ trì và ấn tống rất nhiều kinh sách trong công cuộc hoằng dương Phật pháp, phổ biến tài liệu y học, xây dựng đạo đức con người. Chùa Bà Đá (quận Hoàn Kiếm hiện nay), từng là trung tâm khắc ván, in kinh của kinh đô Thăng Long với lượng mộc bản rất lớn (đến nay vẫn còn lưu giữ được). Chùa Hòe Nhai (quận Ba Đình hiện nay), hiện còn giữ hơn 300 bản khắc, đều là ván in kinh Phật ra đời trong thời gian cuối thế kỷ XIX. “Chùa Xiển Pháp (Xiển Pháp tự) tổ chức thành cơ sở in ấn mộc bản tồn tại khoảng 16 năm từ 1882 - 1898⁴ với số lượng in lên

đến gần 20 bộ sách”⁵. Ngoài ra, còn có nhiều chùa chiền khác như: chùa Nam Đồng (quận Đống Đa); chùa Vũ Thạch (quận Hai Bà Trưng)... đều từng là những ngôi chùa nổi tiếng về in ấn mộc bản, xiển dương Phật pháp, hướng con người sống thiện lành, không tham sân si, ứng xử văn minh với cộng đồng... Căn cứ vào sách *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* và thực tế sách in Hán Nôm tại Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đang lưu trữ tại VNCHN, chúng tôi bước đầu đã thống kê được 75 nhà in mộc bản, hiệu sách, thiện đàn⁶.

Đầu thế kỷ XX, tại Hà Nội, có một tổ chức cũng gây khá nhiều tranh luận về sự tồn tại và những đóng góp của nó trong phong trào “khai dân trí”: đó là Hội Khai Trí Tiến Đức⁷. Hội nguyên là một tổ chức văn hoá thời Pháp thuộc ra đời theo Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ ký ngày 05/02/1919. Hội có tên tiếng Pháp là l'Association pour la formation intellectuelle et morale des annamites (AFIMA). Hội tập hợp nhiều quan lại đương triều, công chức trong bộ máy chính quyền thực dân cùng với lực lượng địa chủ và trí thức. Nhiều người cho rằng mục đích của Hội là mở mang trí thức (khai trí) và đẩy mạnh đạo đức (tiến đức) thực chất là phục vụ thực dân Pháp và là công cụ thống trị tinh thần, nô dịch văn hoá của thực dân. Tuy nhiên, tìm hiểu quá trình hoạt động của Hội, cho thấy trí thức Thăng Long bấy giờ đã khéo léo vận dụng điều lệ của Hội để lồng ghép nội dung “khai dân trí” của mình. Hoạt động và nội dung đăng tải của tổ chức này là *Tạp chí Nam Phong* và *Tập san Hội Khai Trí Tiến Đức*. *Tạp chí Nam Phong* (số 206) năm 1934, viết về Hội Khai Trí Tiến Đức rằng: “Gây mối liên lạc giữa các bậc thượng lưu Tây -

Nam, dung hoà hai cái văn hoá Đông - Tây và cổ động cho chủ nghĩa Pháp - Việt đề huê"... đủ thấy chủ ý của việc Hội đã phải "tìm cách" để được tồn tại hợp pháp.

Không chỉ trí thức Nho giáo mà trí thức Phật giáo tại Hà Nội cũng hưởng ứng phong trào chấn hưng văn hóa dân tộc. Chùa chiền nơi thờ tự của Phật giáo cũng là nơi tổ chức diễn thuyết, giảng đạo, hướng Phật tử tới cuộc sống thiện lành, ham học hỏi. Các sách diễn âm kinh Phật được khắc in, phát hành rộng rãi cho Phật tử. Các nhà sư nổi tiếng như Thiền sư Tính Định trụ trì chùa Xiển Pháp; Phúc Điền trụ trì chùa Liên Trì, Liên Phái,... đã biên tập, diễn âm và tổ chức khắc in hàng chục tác phẩm kinh điển Phật giáo nhằm truyền đạt nhanh nhất, dễ hiểu nhất những giáo lý nhà Phật tới quần chúng nhân dân. Từ đó, hướng Phật tử tới cuộc sống tươi sáng, hiểu về luật nhân quả, tránh xa điều ác, điều xấu... Sang đến thế kỷ XX, tiêu biểu cho những phát ngôn về chấn hưng Phật giáo ở khoảng giữa thế kỷ có báo *Đuốc Tuệ*. Tờ báo *Đuốc Tuệ* 慧燭報 được thành lập và hoạt động trong khoảng thời gian 10 năm từ 1935-1945 do Chánh hội trưởng Nguyễn Quốc Năng, Chánh chủ bút Phan Trung Thứ, Quản lý Cung Đình Bình... chủ trương nêu sự cần thiết của đạo Phật với văn hóa dân tộc. Trong những số đầu, *Đuốc Tuệ* đăng nhiều bài có nội dung đề cập, kêu gọi chấn hưng Phật giáo, chủ trương Phật giáo "nhập thế" đồng hành với cuộc sống nhân dân. Tiêu biểu như phát biểu của sư cụ Tế Cát: "Ta nên tán thành việc dịch kinh sách Phật giáo ra chữ quốc âm và cổ động cho rõ nhiều người mua báo *Đuốc Tuệ* khiến cho quốc dân nhanh chóng hiểu được những lý thuyết cao thâm của Phật giáo có thể lợi ích cuộc sinh tồn cho cá nhân và cho xã hội"⁸.

Như vậy, thời kỳ này Thăng Long - Hà Nội là cố đô nhưng sự phát triển lâu đời, bền vững của Thăng Long về các mặt kinh tế, văn hóa đặc biệt là vai trò đầu tàu chính trị vẫn không ngừng được khẳng định. Trong suốt thời gian cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, giới trí thức Thăng Long đều chủ trương lấy sự tốt đẹp, phồn thịnh của đất nước của nhân dân làm trọng. Trí thức Thăng Long nhận thức được trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động, văn hóa phương Tây được du nhập một cách có chủ đích thì công cuộc chấn hưng văn hóa, kêu gọi yêu nước thương nòi, trau dồi kiến thức, sống thiện lương... rất cần được phát huy.

2. Hai cơ sở in ấn, tàng bản tiêu biểu của Hà Nội, giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Với số lượng thống kê chưa đầy đủ, tại Hà Nội thời gian này có tới 75 cơ sở tàng bản, in ấn và cửa hiệu phát hành thư tịch từ mộc bản, đã khẳng định được vị trí trung tâm văn hóa, chính trị của mình. Phong trào in ấn mộc bản nở rộ cùng với nội dung các văn bản khắc in đã cho biết không khí học thuật cũng như tình hình xã hội Hà Nội lúc đó và vai trò, ý thức trách nhiệm trước vận mệnh dân tộc của trí thức Hà thành. Lấy ví dụ tiêu biểu là đền Ngọc Sơn và chùa Xiển Pháp để tìm hiểu về việc khắc in mộc bản trong vai trò truyền bá kiến thức và chấn hưng văn hóa dân tộc của trí thức Thăng Long thời gian này.

2.1. Cơ sở in ấn, tàng bản đền Ngọc Sơn

Theo bia *Ngọc Sơn Đế quân từ ký* 玉山帝君祠記, do Tiên sĩ Vũ Tông Phan soạn năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) cho biết: Khu đền Ngọc Sơn nguyên xưa là gò núi đất nổi trên hồ Tả Vọng (tức Hoàn Kiếm) tương truyền là đài câu cá khoảng cuối triều Lê. Trên gò có ngôi đền nhỏ thờ

thánh Quan Đế, sau có ông Tín Trai người làng Nhị Khê tu sửa phôi thờ gọi là chùa Ngọc Sơn. Đến thời Nguyễn khoảng triều Minh Mệnh Hội Hướng thiện tôn thờ Văn Xương Đế Quân vì không có đền thờ nên được các con của ông Tín Trai nhượng lại chùa cho Hội hoạt động. Từ đây nơi đây trở thành cơ sở chính hoạt động văn hóa của Hội Hướng thiện.

Thành phần chủ yếu của Hội Hướng thiện là Nho sĩ, trong đó có những vị xuất thân khoa mục và cũng có thể đồng thời là thương nhân có tâm với văn hóa dân tộc; mục đích khuyên dân sống thiện, hành thiện, đề cao nhân nghĩa, đạo đức, chấn hưng văn hóa... Bên cạnh việc thuyết văn giảng kinh tuyên truyền tất yếu cần phải tổ chức khắc in kinh sách, phổ biến tài liệu để tuyên truyền cho đại chúng. Chính vì vậy đền Ngọc Sơn đã trở thành trung tâm san khắc mộc bản kinh sách về Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian giai đoạn từ giữa thế kỷ thứ XIX của Hội Hướng thiện. “Tại ngôi trường Hồ Đình sát Hồ Guom, Vũ Tông Phan say sưa truyền thụ kiến văn và tư tưởng yêu nước. Học trò theo học ông ngày càng đông, nhiều người đỗ đạt như Nguyễn Tư Giản, Lê Đình Diên, Đỗ Thực, Đỗ Duy Ninh, Nguyễn Huy Đức, Ngô Văn Dạng đã noi gương thầy giúp đời, cứu nước. Vũ Tông Phan đã được vua Tự Đức ban cho bốn chữ “Đào thực hậu tiến/Rèn giữa, giáo dục những điều thuần hậu, cao đẹp lớp người sau”. Hội Hướng thiện sau khi Hội trưởng Vũ Tông Phan mất năm 1851, Hội đã bầu Nguyễn Văn Siêu làm Hội trưởng. Năm 1865, Nguyễn Văn Siêu tổ chức trùng tu đền, mọi hoạt động của Hội ở đền Ngọc Sơn vẫn duy trì trong đó có cả việc khắc in kinh sách. Năm 1872, Nguyễn Văn Siêu qua đời cũng là những năm tháng Hà

thành bị quân Pháp đánh chiếm năm 1873 và chiếm cứ hoàn toàn vào năm 1883.

Lịch sử hình thành và phát triển chứng minh đền Ngọc Sơn giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vừa là trung tâm Nho giáo đào tạo trí thức Nho học vừa là trung tâm phát triển Đạo giáo với các hoạt động thờ cúng và giảng bút lời của Lão Tử, Trang Tử... Trong sự chấn hưng học phong, “trung tâm văn hoá - giáo dục” Ngọc Sơn với các ngôi trường tư thực ở khắp phường thôn Hà thành của các ông đồ trong Hội Hướng thiện đóng góp phần quan trọng⁹. Hội Hướng thiện được thành lập ở đền Ngọc Sơn đã thực hiện nhiệm vụ hướng thiện cho nhân dân với nhiều hình thức thiết thực: mở các lớp học, giảng dạy đạo lý, in kinh sách, phổ biến kiến thức cho nhân dân, phát hành tài liệu cho sĩ tử... Hội Hướng thiện đã biến đền Ngọc Sơn thành một cơ sở biên soạn, tàng trữ mộc bản và khắc in lớn nhất Hà Nội trong suốt khoảng 100 năm (1845 - 1945). Số sách in được ở đây lên tới 242 cuốn¹⁰. “Cho đến năm 1966, theo báo cáo kiểm kê của nhà Hán Nôm học lão thành Vũ Tuân Sán, sau bao biến thiên ở Hà Nội, trong kho đền Ngọc Sơn vẫn lưu trữ 1156 cái ván khắc”¹¹. Ngoài sách kinh điển Nho, Phật, Lão, còn nhiều sách thơ văn, sách dạy cách đạo lý trong nhà ngoài phố, sách dạy học chữ Hán ở bậc tiểu học, dạy cách ăn ở giữ gìn vệ sinh, chăm sóc sức khỏe, nuôi dạy con cái...

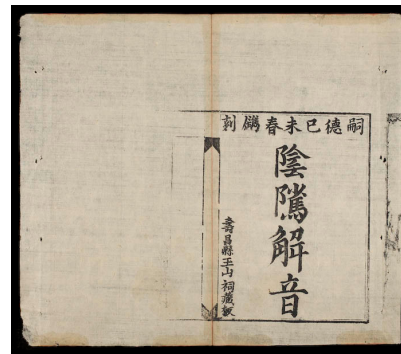
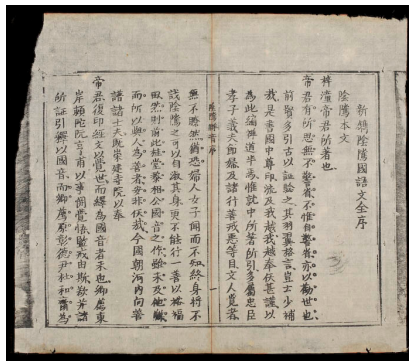
Đền Ngọc Sơn có quan hệ với nhiều nhà in mộc bản trong địa bàn tỉnh và tỉnh ngoài. Việc “mượn ván in” giữa các cơ sở cho thấy mối quan hệ giữa phong trào in mộc bản tại Hà Nội và tỉnh thành khác. Ví dụ tác phẩm *Quan Thánh đế quân cứu kiếp vĩnh mệnh kinh* 關聖帝君救劫永命經 được in ban đầu tại Thiện đường

Bảo Ninh xã Uy Nỗ, huyện Phù Lỗ (nay là xã Uy Nỗ huyện Đông Anh) in lại năm Thành Thái Quý Mão (1903), theo nguyên bản của Đồng Trai đường in năm Quang Tự Bính Thân (1896), nhưng sau đó được đền Ngọc Sơn in lại năm Duy Tân Tân Hợi (1911)¹². Hay tác phẩm *Táo Vương chân kinh phụ kê phụ chính tác thần kinh văn* 灶王真經附正作神經文 được đền Ngọc Sơn, Hà Nội in năm Thành Thái thứ 7 (1895), theo bản in niên hiệu Thanh Đồng Trị thứ 10 (1871) và Tự Đức thứ 34 (1881). Sau đó Khuyến Thiện đàn ở Nam Định cũng in bản này vào năm Thành Thái Bính Ngọ (1906), Bảo Thiện đàn (Hà Nam) in năm Bảo Đại Mậu Thìn (1928)¹³.

Việc khắc in kinh sách về đức Thánh Trần được chú ý như: *Trần thánh kinh* 陳聖經, *Trần thánh chính kinh tập biên* 陳聖正經輯編, *Trần thánh chính kinh tập yếu* 陳聖正經輯要, *Trần triều hiển thánh chính kinh sơ biên* 陳朝顯聖正經初編, *Trần triều hiển thánh tán văn* 陳朝顯聖贊文... đều được khắc in từ giai đoạn khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trong kho mộc bản ở VNCHN vẫn còn giữ được nhiều bản, tiêu biểu là bộ *Trần triều hiển thánh tán văn* gồm 7 quyển.

Cơ sở khắc in kinh sách vẫn được duy trì ở đền Ngọc Sơn, chính vì vậy mới có việc kiểm kê số ván in ở đây để làm cuốn *Ngọc Sơn thiện thư bạ* 玉山善書簿 vào năm Ất Mùi Thành Thái thứ 7 (1895). Sách này đã thống kê số tác phẩm *Thiện thư* khắc in ở đền Ngọc Sơn là 61 đơn vị, với

2.344 ván in hầu hết khắc hai mặt. Cho đến nay, qua khảo sát tại VNCHN, chúng tôi đã thống kê thư tịch hiện đang lưu giữ ở đây được in từ mộc bản tại đền Ngọc Sơn có 50 sách (trong đó có sách có một bản nhưng cũng có sách có nhiều bản)¹⁴. Trước những thay đổi ở Hà Nội từ sau 1882, Hội Hướng thiện cùng các văn thân sĩ phu cũng phải thay đổi phương thức hoạt động, họ đã chia Hội thành ba tiểu hội nhỏ gọi là phả, đó là: Tập Thiện phả 輯善樂, Lạc Thiện phả 樂善譜 và An Lạc phả 安樂譜 thực hành tín ngưỡng thờ cúng, sinh hoạt tôn giáo cả Nho - Phật - Đạo, song mục đích khích lệ tinh thần yêu nước thương nòi, ca ngợi tinh thần dân tộc. Các phả trên chính là nền tảng của Hội Thiện đàn ở Hà Nội và khu vực phụ cận thuộc đồng bằng Bắc Bộ vào đầu thế kỷ XX. Tại Hà Nội, phong trào Thiện đàn phát triển mạnh vào mấy chục năm đầu thế kỷ XX và đền Ngọc Sơn vẫn luôn đóng vai trò quan trọng trong tuyên truyền, khắc in kinh sách, tài liệu học tập. Thiện đàn tổ chức đều đặn một tháng hai lần, kinh, thơ văn giảng bút được khắc in và phổ biến rộng khắp. Mộc bản tại đền Ngọc Sơn cho thấy các hoạt động in ấn, cầu cơ vẫn tiếp tục được thực hiện đến giữa thế kỷ XX. Một số bộ ván in sách có cả Nho giáo, Đạo giáo... đến nay còn được lưu trữ tại Bảo tàng Hà Nội như: *Ám thất đăng diễn ca* 暗室燈演, *Cảm ứng thiên đồ thuyết* 感應篇圖說, *Hoạt thế sinh cơ* 活世生機, *Phản tính đồ diễn âm* 返性圖演音.



Ảnh: Bìa và bài tựa sách *Âm chất giải âm* 陰陽解音
do Thọ Xương huyện Ngọc Sơn từ tàng bản in năm Tự Đức Kỷ Mùi (1859).
<https://chunom.net/Thu-vien-so-Han-Nom/> truy cập 10/2/2023

Âm chất giải âm 陰陽解音 thực chất là sách *Âm chất văn chú* 陰陽文註 của Lê Quý Đôn tham khảo các sách khuyến thiện của Trung Quốc soạn và chú giải. Đỗ Dư 杜瑀¹⁵ dựa vào đó diễn âm ra chữ Nôm. Nội dung là giảng bút của Văn Xương Đế Quân 文昌帝君 khuyên con người tích cực làm điều thiện, làm việc có ích cho cộng đồng, tránh xa điều ác. Đồng thời, tác phẩm cũng có nhiều lời nhấn nhủ trách nhiệm của sĩ phu:

“哪啞德帝君固劄琅
勸進罔劫化生
仕夫每劫羅明
諸曾霞虐憶情吏民
救朱移艱述危急
傷移孤空戮戢任
夕條陰德常憫
矧捫透旦閑尋高撐
埃哈共如明爻脩¹⁶

Vâng lời Đức Đế Quân có chép rằng:
Trong mười bảy kiếp hóa sinh.
Sĩ phu mọi kiếp là mình,
Chưa từng hà ngược ức tình lại dân.
Cứu cho đũa gian truân nguy cấp,
Thương đũa côi không giúp người nhàn.
Làm điều âm đức thường chăm,

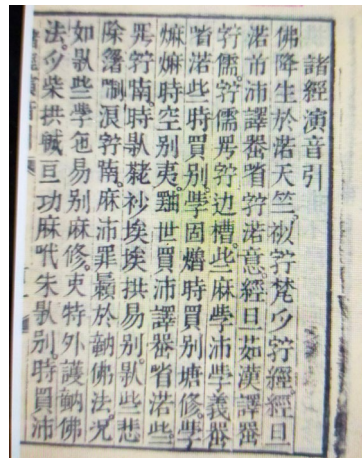
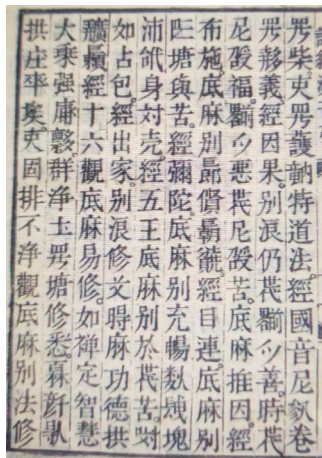
Tác gang thấu đến muôn tâm cao xanh.
Ai hay cũng như mình một dạ”.

2.2. Khắc in mộc bản tại chùa Xiển Pháp

Chùa Xiển Pháp chính thức được xây dựng vào năm Ất Hợi niên hiệu Tự Đức thứ 25 (1875). Khi về trụ trì chùa Xiển Pháp với mong muốn làm cho Phật pháp được dương khởi, khởi phát lòng từ bi để cứu vớt con người thoát khỏi bến mê nên Thiền sư Tính Định đã “Đặt tên chùa là Xiển Pháp, mong muốn chính là để Phật pháp được xiển dương mãi mãi vậy/ Tự danh Xiển Pháp, chính dục xiển dương Phật Pháp ư vô cùng đã”¹⁷. Không chỉ dừng lại ở việc xây dựng, mở mang chùa và đặt tên chùa theo mong muốn làm cho Phật pháp ngày càng được xiển dương, Thiền sư và giới trí thức Phật giáo ở các chùa khác tại Hà Nội (chùa Bà Đá, chùa Hòe Nhại, chùa Liên Phái...) cùng với các trí thức Nho giáo Thăng Long - Bắc Hà hưởng ứng phong trào chấn hưng văn hóa, kêu gọi yêu nước thương nòi, sống lương thiện biết yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Thiền sư đã tiến hành diễn âm kinh Phật để phổ biến cho Phật tử biết được cái hay, cái đẹp của Phật giáo đồng thời không để bị mê hoặc, tà tu. Theo *Chư kinh diễn âm dẫn* 諸經演音引 của tổ Tính Định, cho

biết mục đích của ngài khi tiên hành diễn âm kinh Phật: “*Kinh quốc âm* này tám quyền, là nhiều nghĩa *Kinh Nhân quả*, biết rằng những đời trước làm thiện thì đời này được phúc, trước làm ác đời này chịu khổ để mà suy nhân. *Kinh Bồ thí* để mà biết sang hèn giàu nghèo. *Kinh Mục Liên* để mà biết ba đường dữ khổ. *Kinh Di Đà* để mà biết sung sướng lâu dài khỏi phải đầy thân đói khát. *Kinh Ngũ Vương* để mà biết ở đời khổ, đói, như chiêm bao. *Kinh*

Xuất gia biết rằng tu một ngày mà công đức cũng rộng lớn. *Kinh Thập lục quán* để mà dễ tu, như thiền định, trí tuệ đại thừa càng rõ lắm. Còn Tịnh độ là đường tu tắt, trăm nghìn người cũng chẳng sót ai. Lại có bài *Bất tịnh quán* để mà biết phép tu thiền định, lại kệ *Vô tướng chân không* để sinh trí tuệ thẳng đến vô thượng Bồ Đề. Tám quyền này đủ cả pháp tu, lại chữ dễ học, dễ làm, dễ biết...”¹⁸.



“Chư kinh diễn âm dẫn”, trong sách *Chư kinh diễn âm* AB.98.

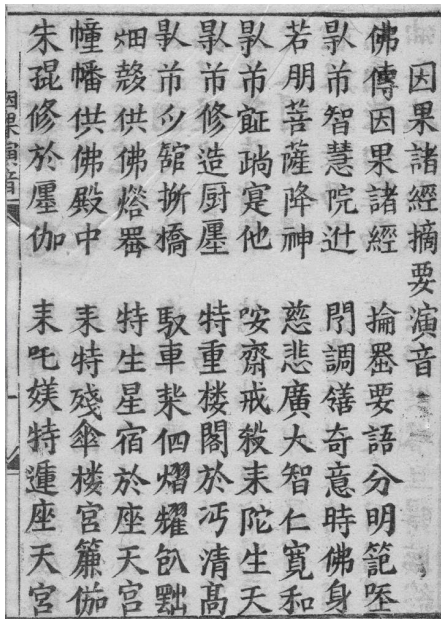
Ảnh: Học Phật Niệm Phật

Theo *Kỷ niệm bi ký* 紀念碑記 ký hiệu thác bản N°25223/25224 (VNCHN), được khắc năm Bảo Đại Đinh Mão (1927) cho biết người có công xây dựng và xiển pháp, hưng công cho chùa là Thiền sư Tính Định. Ông họ Hàn, tên Thái Ninh, tự Tâm Châu pháp danh là Tính Định (1842 - 1901), thọ 62 tuổi, quê quán tại làng Đồng Dương, tổng Đồng Dương, phủ Thanh Oai (nay là làng Đồng Dương, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội). Từ nhỏ được cha mẹ cho học Nho học. Sau trong lòng luôn có lòng từ bi hướng thiện nên ngài xuất gia tại chùa Hồng Phúc (Hòe Nhại) Hà Nội, là đệ tử của Sư tổ Thích Chính Bình đời thứ 11 thuộc thiền phái Tào Động.

Thời gian trụ trì chùa Xiển Pháp khoảng 16 năm từ 1882 - 1898¹⁹ Thiền sư đã xây dựng nơi đây thành cơ sở in ấn mộc bản với số lượng in lên đến gần 20 bộ sách²⁰ để phổ biến tài liệu và kiến thức cho Phật tử và nhân dân. Mục đích diễn âm như Thiền sư đã nói đó là đem lại sự gần gũi với ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Tám kinh mà Thiền sư bỏ công diễn âm như đã nêu ở trên mỗi kinh đều đề cập một khía cạnh khác nhau, tựu trung lại nhằm giúp con người tránh xa những u tối, rũ bỏ sân si... Trong lời dẫn *Chư kinh diễn âm*, Thiền sư đã nói rõ mục đích phải diễn âm ra chữ Nôm và tinh thần dân tộc: “Kinh đến nhà Hán dịch ra chữ Nho, chữ Nho là chữ bên Tàu, ta mà học phải học

nghĩa ra tiếng nước ta thì mới biết. Học có rõ thì mới biết đường tu, học mờ mờ thì không biết gì. Bởi thế mới phải dịch ra tiếng nước ta là chữ Nôm, thì người già trẻ ai ai cũng dễ biết. Người ta bây giờ chớ chê rằng chữ Nôm, mà phải tội lớn ở trong Phật pháp. Huống như người ta học đã dễ biết mà tu, lại được ngoại hộ trong Phật pháp. Làm thầy cũng nên gắng công mà dạy cho người biết, thì mới phải là thầy, lại là hộ trong được đạo pháp”²¹.

Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm 因果諸經摘要演音 là phần trích yếu của *Kinh Nhân quả* được diễn (dịch) ra chữ Nôm khuyên con người dốc chí tu hành và làm điều thiện để được phúc báo, nếu làm điều ác thì bị ác báo đọa địa ngục, ngã qui súc sinh.



Ảnh trang 1 sách *Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm*,
Nguồn: <http://yeuhannom.com>. 2014

Một điều đáng chú ý nữa ngoài việc dùng chữ dân tộc - chữ Nôm để diễn âm kinh Phật, Thiền sư Tính Định còn dùng thể thơ dân tộc - thể thơ lục bát - để “lời

kinh đi vào lòng người”, dễ dàng lan tỏa thông điệp:

修進調善於躬

蓮篇兜率自情消交

跏趺學文經

拯敬善友吏情嚙咬²²

Tu mười điều thiện ở mình,

Lên thiên Đâu Suất tự tình tiêu giao.

Người nào chẳng học văn kinh,

Chẳng kính thiện hữu lại tình gièm chê...

Không chỉ khuyên bảo tăng ni, Phật giữ trọn đạo tu hành qua phần diễn âm mà những quan hệ trong gia đình như với vợ chồng, con cái... cũng cần phải có sự quan tâm chăm sóc, tinh tảo trước những cám dỗ đời thường. Cái đặc biệt ở những tác phẩm diễn Nôm của Thiền sư Tính Định là việc đề cập đến các mối quan hệ trong gia đình. Thiền sư coi quan hệ trong gia đình là gốc rễ, căn nguyên để khởi phát điều tốt đẹp cũng như coi gia đình là nơi khởi phát môi trường giáo dục tự nhiên:

婦重拯敬拯和

推少鳩閣結羅冤愆

啞啞旺旺連連

身齧齧渴饒汚病人

覓跏賢善拯斯

倫迴惡道拯分芾融

逆叱債媿心懷

齧耒震霸天災折躬

覓跏少惡隨情

齧耒苦惱饒懲甌呖

...

燼煉善惡每皮

因蒂果衣拯兮差兜²³

Vợ chồng chẳng kính chẳng hòa,
Rồi làm cru các kết là oan khiên.
Ăn ăn uống uống liền liền,
Thân sau đói khát nhiều miền bệnh nhân.
Thấy người hiền thiện chẳng gần,
Luân hồi ác đạo chẳng phần nào ra.
Nghịch cha trái mẹ tâm hoài,
Sau rồi sấm sét thiên tai giết mình.
Thấy người làm ác tùy tình,
Sau rồi khổ não nhiều chừng lo âu.
...

Rõ ràng thiện ác mọi bề,
Nhân nào quả ấy chẳng hề sai đâu.

Việc làm của Thiền sư Tính Định trong việc trích yếu, diễn âm kinh Phật cũng như tổ chức khắc ván in, phát hành kinh sách rộng rãi trong nhân dân trong bối cảnh đất nước nói chung và Thăng Long lúc đó nói riêng, chính là những đóng góp cho việc chấn hưng văn hóa, xây dựng tôn chỉ của Phật giáo làm cho “tốt đời đẹp đạo”. Sự đóng góp của cơ sở in tại chùa Xiển Pháp cũng như những đóng góp của Thiền sư Tính Định trong việc diễn Nôm kinh Phật đã thể hiện tinh thần “nhập thế” tích cực vì sự “khai dân trí” cho nhân dân, cho dân tộc ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

3. Kết luận

Trong lúc đất nước lâm nguy, trí thức dân tộc nói chung và trí thức Thăng Long nói riêng đã có những hành động kịp thời, phù hợp với bối cảnh lịch sử để phát huy sức mạnh sức mạnh của nhân dân. Các trí thức Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo dùng phương pháp trích yếu, tiết nghĩa, giải âm, diễn Nôm kinh Phật hay thác lời Phật thánh bằng hình thức “giáng bút” để mượn lời của Phật, thánh kêu gọi dân chúng

chống thói hư tật xấu, đoàn kết chống cường quyền áp bức, xây dựng lối sống văn minh, nhằm chấn hưng văn hóa. Có thể nói, tiến trình phát triển, mở rộng nghề in tại Thăng Long - Hà Nội đã góp phần không nhỏ trong việc tạo ra vai trò to lớn trong việc chấn hưng văn hóa dân tộc đầu thế kỉ XX. Mở ra con đường đấu tranh tiến bộ hơn, khoa học hơn của lớp trí thức sau như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hồ Chí Minh. Kỹ thuật in typo theo mẫu chữ La tinh ra đời sau này nhờ có công nghệ và văn minh phương Tây, nhưng những gì mà mộc bản và nghề in mộc bản đã làm chứng tỏ vai trò, giá trị của mình trong đời sống xã hội đương đời. In mộc bản cũng có chỗ đứng quan trọng trong dòng chảy văn minh Việt Nam và thực hiện được sứ mệnh cao cả của nó trong việc truyền thông điệp, kiến thức cho nhân dân, sĩ tử. Đồng thời cũng qua mộc bản, chúng ta thấy rõ hơn sự hòa hợp “tam giáo” trong con đường đồng hành cùng dân tộc. Đặc biệt các tài liệu in ấn từ mộc bản cũng có dấu ấn riêng, đóng góp không nhỏ vào việc mở mang “khai sáng trí tuệ”, “khai dân trí” phát huy tinh thần yêu nước dân tộc./.*

V.T.H

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài “Khảo cứu, biên mục và chụp ảnh kho Mộc bản tại VNCHN giai đoạn 2: 3.000 mộc bản” do TS. Trương Thị Thủy làm chủ nhiệm, thực hiện giai đoạn 2023-2024.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hải, “Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - Bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam”, <http://www.bqp.vn/wps/portal/!ut/p/>, truy cập ngày 01/2/2022.
2. Vũ Tông Phan, *Ngọc Sơn để quân từ ký* 玉山帝君祠記, dựng năm 1841 tại đền Ngọc Sơn, Hà Nội. Thác bản tại VNCHN N°61-62.

3. Nguyễn Xuân Diện (2000), “Về các tác phẩm thơ văn giảng bút hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Thông báo Hán Nôm học 2000*, tr.96-104.

4. Mai Hồng - Nguyễn Hữu Mùi (1986), “Tìm hiểu nghề in của ta qua kho sách Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr.43-55.

5. Vương Thị Hường (2013), “Chùa Xiển Pháp và những cuốn sách kinh Phật”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5, tr. 62-67.

6. Vương Thị Hường (2022), “Khảo cứu, biên mục và chụp ảnh kho Mộc bản tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (giai đoạn 1: 3.000 mộc bản)”, đề tài cấp Bộ thực hiện 2021-2022. Kết quả nghiên cứu của đề tài lưu tại Thư viện VNCHN.

7. Toạ lạc tại nhà số 16 phố Lê Thái Tổ, Hà Nội hiện nay.

8. Sư cụ Tế Cát, “Kính cáo chư sơn trưởng lão”, *Đuốc Tuệ báo*, số 30, 1936, tr.4.

9. Vũ Thế Khôi, *Đền Ngọc Sơn: nơi sãi phu Bắc Hà lo vận nước*, <http://wikizisan.vn/bai-viet/?article=2834>, truy cập ngày 17/2/2022.

10. Vương Thị Hường (2000), “Danh mục sách Hán Nôm in tại đền Ngọc Sơn”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr.89 - 96, cho biết: Dựa vào các cuốn sách là *Các tự kinh bản Ngọc Sơn thiện thư lược sao mục lục* 各寺經本玉山善書略抄目錄, *Cao Vương kinh chú giải* 高王經註解 và *Tam giáo tâm pháp* 三教心法 tác giả đã thống kê mục lục sách in tại đền Ngọc Sơn có 242 sách, gồm các sách về Đạo giáo, Nho giáo, diễn âm kinh kinh điển, thơ văn giảng bút...

11. Vũ Thế Khôi, bđd, <http://wikizisan.vn/bai-viet/?article=2834>, truy cập ngày 17/2/2022.

12. Bản này, ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm ghi rõ: Kí hiệu A.100 do Bảo Ninh Thiện đường thuộc xã Uy Nỗ, huyện Phù Lỗ in lại năm Thành Thái Quý Mão (1903), theo nguyên bản của Đồng Trai đường in năm Quang Tự Bính

Thân (1896), bản kí hiệu AC.685 do đền Ngọc Sơn in năm Duy Tân Tân Hợi (1911), 64 tr., 26,5 x 15cm.

13. *Táo Vương kinh phụ kê phụ chính tác thần kinh văn*, 4 bản in, có chữ Nôm. AC.63: Bùi Huy Đoàn 裴輝團 viết tựa năm Gia Long 16(1817). Nguyễn Viết Giản 阮曰間 diễn Nôm. Đền Ngọc Sơn, Hà Nội in năm Thành Thái thứ 7 (1895), theo bản in năm Thanh Đồng Trị (Trung Quốc) thứ 10 (1871) và Tự Đức thứ 34 (1881), 58tr., 27 x 16cm. Kí hiệu AC.556: Khuyến Thiện đàn Nam Định in năm Thành Thái Bính Ngọ (1906), 128 tr., 29 x 18cm. VHb.132: Bảo Thiện đàn (Hà Nam) in năm Bảo Đại Mậu Thìn (1928), 24tr., 20 x 13cm. VHv.2833: *Táo Vương kinh phụ kê chính táo thần kinh văn*, 44tr., 27 x 16 cm. Chúng tôi chưa có điều kiện để đối chiếu văn in của các bản này có liên quan với nhau hay không. Ở đây chỉ ghi nhận thư tịch Hán Nôm tại VNCHN có nhiều bản của nhiều cơ sở in ấn.

14. Nghiên cứu và danh mục những sách này chúng tôi sẽ công bố trong một bài viết khác.

15. Đỗ Dư: (hay Đỗ Trọng Dư), tự Hòa Trai, hiệu Hy Liễu, Đức Xuyên. Hòa Trai nổi tiếng học rộng tài cao, đỗ Cử nhân khoa Kỷ Mão 1819, từng làm đến chức Tri phủ Quốc Oai. Năm 1826, sau khi bị triều đình xét tội cách chức, cụ về quê làm nghề dạy học, đào tạo được nhiều thế hệ học trò thành danh. Cụ là tác giả của các tác phẩm *Quan Âm truyện*, *Âm chất truyện*, nổi tiếng đương thời. *Âm chất giải âm* khắc in năm Kỷ Mùi niên hiệu Tự Đức, tàng bản tại đền Ngọc Sơn huyện Thọ Xương. VNCHN có nhiều bản, trong đó bản chúng tôi dùng để khảo sát kí hiệu AB.117.

16. Đỗ Dư, *Âm chất giải âm*, AB.117, 8a.

17. Bia không đặt tiêu đề, hiện đặt tại phệ tích ở số nhà 01 ngách 2 ngõ 20 phố Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Trong văn bia ghi: “Bản tự trụ trì Bồ Tát giới Hàn Thái

Ninh pháp danh Tính Định ký 本寺持持菩薩戒
翰泰寧法名性定記/ Bản chùa là Trụ trì Bồ Tát
giới Hàn Thái Ninh pháp danh Tính Định viết”.
Dẫn theo: Tỷ khiêu ni Thích Đàm Vân, *Vài nét
sơ lược về chùa Xiển Pháp và vị tổ sư khai sáng
(thuộc thiền phái Tào Động)*, [http://chuaxaloi.
vn/thong-tin/vai-net-so-luoc-ve-chua-xien-phap-
va-vi-to-su-khai-sang/](http://chuaxaloi.vn/thong-tin/vai-net-so-luoc-ve-chua-xien-phap-va-vi-to-su-khai-sang/), truy cập ngày 15/2/2022,
có sửa chữa lỗi dịch.

18. *Chư kinh diễn âm* 諸經演音, mục “Chư
kinh diễn âm dẫn 諸經演音引”, VNCHN, kí
hiệu AB.98, tờ 1a,b.

19. Mai Hồng - Nguyễn Hữu Mùi (1986),
bđd, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.

20. Vương Thị Hương (2013), bđd, *Tạp chí
Hán Nôm*, số 5, tr. 62-67: theo *Các tự kinh bản
thiện thư lược sao mục lục* 各寺經版善書略目
錄, VNCHN, kí hiệu A.1116 cho biết thì các bộ
kinh đã được in ở chùa Xiển Pháp là: *Tam Muội*

tạo tượng kinh 三昧造象經; *Lục tổ đàn kinh* 六
祖壇經; *Kim Cương Bát Nhã kinh* 金剛般若經;
Kim Cương kinh luận 金剛經論; *Dược Sư kinh*
葯師經; *Mục lục kinh* 目錄經; *Hộ đồng tử kinh*
護童子經; *Đại bi xuất tướng* 大悲出相; *Ngũ
bách danh kinh* 五百名經; *Tam qui ngũ giới
kinh* 三皈五戒經; *Phổ môn phẩm kinh* 普門品
經; *Nhân quả hồi dương* 因果迴陽; *Di Đà nhân
quả kinh diễn âm* 彌陀因果經演音; *Ngũ vương
xuất gia kinh diễn âm* 五王出家經演; *Mục Liên
kinh diễn âm* 目連經演音; *Thập lục quan kinh
diễn âm* 十六觀經演音; *Bồ thí công đức kinh
diễn âm* 布施公德經演音.

21. *Chư kinh diễn âm dẫn* 諸經演音引, bđd,
AB.98, tờ 2a.

22. *Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm* 因
果諸經摘要演音, AB.96, tờ 2a.

23. *Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm* 因
果諸經摘要演音, AB.96, tờ 3a.